

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST  
Ngày: 12-6-2020  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bùi Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Hữu Cải; bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh*** tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 442/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ A, ấp Tân X, xã TP, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp cho bà G: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ A, khu phố B, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 16-12-2019).

*Bị đơn:* Ông Trương Đình H1, sinh năm 1971; bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1972; cùng cư trú tại: Tổ A, khu phố B, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Thu S, ông Trương Đình H1 vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2019 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Do quen biết, bà G có cho vợ chồng bà S, ông H1 mượn tiền, cụ thể như sau:

Ngày 19-02-2019 dương lịch, vợ chồng bà S, ông H1 vay của bà G số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Ngày 16-10-2019, vợ chồng ông H1, bà S mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng nhưng không làm giấy nhận nợ. Sau đó bà S, ông H1 có trả được số tiền 18.700.000 đồng. Hiện nay, tổng cộng vợ chồng bà S, ông H1 còn nợ bà G số tiền gốc 131.300.000 đồng.

Ngày 24-3-2020, bà Nguyễn Thị G rút lại phần yêu cầu khởi kiện đòi với số tiền gốc 31.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất, do lúc khởi kiện không yêu cầu tính lãi.

Nay bà G khởi kiện yêu cầu bà S, ông H1 liên đới trả cho bà G số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83 %/tháng từ ngày hết hạn trả nợ (ngày 20-12-2019) đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S, ông Trương Đình H1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Thu S, ông Trương Đình H1 hợp lệ.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng được, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 147, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G; buộc bà S, ông H1 trả cho bà G số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng từ ngày 20-12-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm; chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà G đòi với số tiền 31.300.000 đồng; về án phí: Ông H1, bà S phải chi án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trương Đình H1 và bà Nguyễn Thị Thu S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2

Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 19-02-2019 dương lịch bà Nguyễn Thị Thu S cùng chồng là ông Trương Đình H1 ký giấy vay của bà Nguyễn Thị G số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hẹn thời gian trả nợ là ngày 19-12-2019. Sau khi vay tiền, vợ chồng bà S, ông H chưa trả tiền gốc, chưa đóng tiền lãi cho đến nay. Ngày 24-3-2020, bà Nguyễn Thị G rút lại phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 31.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, do lúc khởi kiện không yêu cầu tính lãi.

Do bà S, ông H vắng mặt không có ý kiến trình bày; bà G cung cấp cho Tòa án bản gốc “Giấy mượn nợ” có chữ ký bà Nguyễn Thị Thu S và ông Trương Đình H1.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định vào ngày 19-02-2019, bà Nguyễn Thị Thu S và ông Trương Đình H1 có vay của bà Nguyễn Thị G số tiền 100.000.000 đồng như lời khai của nguyên đơn là có căn cứ. Trong giấy vay tiền, các bên không thỏa thuận lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, thời hạn trả là ngày 19-12-2019. Nay bà G khởi kiện yêu cầu bà S, ông H1 liên đới trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G. Do trong giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận tiền lãi suất trong thời kỳ vay và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ; nay nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi suất là 0,83%/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu S và ông Trương Đình H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị G: Số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:  $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 5 \text{ tháng}$  23 ngày (từ ngày 20-12-2019 đến ngày 12-6-2020) = 4.786.000 đồng. Tổng cộng bà S, ông H1 phải trả cho bà G số tiền gốc và lãi là 104.786.000 đồng.

[3] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 31.300.000 đồng, do ngày 24-3-2020, bà Nguyễn Thị G rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này.

[4] Về án phí: Tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm được xử lý theo quy định tại Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị G đối với ông Trương Đình H1, bà Nguyễn Thị Thu S.

Buộc ông Trương Đình H1 và bà Nguyễn Thị Thu S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và 4.786.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 104.786.000 (một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà S, ông H chưa thi hành xong số tiền trên, thì bà S, ông H1 còn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 31.300.000 đồng do bà Nguyễn Thị G rút lại yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Trương Đình H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.239.000 (năm triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị G 3.282.000 (ba triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000203 ngày 23-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu (do bà Nguyễn Thị H nộp thay).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Báo cho Nguyễn Thị G, ông Trương Đình H1, bà Nguyễn Thị Thu S biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Bùi Toàn**